**LỜI MỞ ĐẦU – TÌNH HUỐNG**

Hiện nay, tình hình kinh tế xã hội ngày càng phát triển, nhưng cùng với sự phát triển đó là tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, nhất là những tội phạm xâm hại tới quan hệ sở hữu như trộm cắp, tham nhũng, cướp giật tài sản,…  Đặc biệt là tội cướp tài sản diễn ra rất phổ biến ở các thành phố lớn hiện nay như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà nước ta đã có những biện pháp tích cực nhằm giải quyết tệ nạn này, trong số đó có tăng cường pháp chế. Để hiểu rõ hơn về những quy định của pháp luật nước ta về tội cướp tài sản, em xin phân tích và tìm hiểu tình huống:

“C có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của K, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 30 triệu đồng. Hành vi phạm tội của C được quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự. C bị đưa ra xét xử và bị tuyên phạt 7 năm tù”.

Câu hỏi:

1. Tội phạm mà C thực hiện thuộc loại tội gì theo phân loại tội phạm tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự?

2. Tội cướp tài sản (Điều 133 Bộ luật hình sự) là tội có Cấu thành tội phạm vật chất hay Cấu thành tội phạm hình thức? Tại sao?

3. Nếu C mới dùng vũ lực nhưng không chiếm đoạt được tài sản thì C có bị truy cứu Trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản không? tại sao?

4. Nếu C mới tròn 14 tuổi thì C có phải chịu Trách nhiệm hình sự về hành vi của mình không? Tại sao?

5. Nếu C mới chuẩn bị phạm tội cướp tài sản thì bị bắt, C có phải chịu Trách nhiệm hình sự về hành vi của mình không? Tại sao?

**GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG**

**1. Tội phạm mà C thực hiện thuộc loại tội gì theo phân loại tội phạm tại khoản 3 Điều 8 Bộ luật Hình sự?**

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách vô ý hoặc cố ý, xâm phạm tới các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.

Tội phạm được chia thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Muốn xác định một tội phạm thuộc loại nào phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cụ thể:

“Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình” (khoản 3 Điều 8 Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2009).

Muốn biết tội phạm của một người đã thực hiện thuộc loại tội gì, ta phải căn cứ vào phân loại tội phạm theo khoản 3 điều 8 Bộ luật hình sự cùng với việc xác định xem người phạm tội đó thực hiện tội phạm gì, tội phạm đó được phản ánh trong khoản nào, điều nào của Bộ Luật Hình sự, và mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm đó.

C có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự:

“Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.”

Có thể thấy chỉ riêng hành vi “dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản” của C đã thể hiện được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Mức cao nhất mà C bị tuyên theo khoản 1 điều 133 Bộ luật hình sự là 10 năm. Dựa trên cở sở là khoản 3 điều 8 Bộ luật hình sự: “tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù”, thì hành vi của C thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng.

**2. Tội cướp tài sản (Điều 133 Bộ luật Hình sự) là tội có Cấu thành tội phạm vật chất hay Cấu thành tội phạm hình thức? Tại sao?**

Cấu thành tội phạm là tổng hợp những dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho loại tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự.

Phân loại theo đặc điểm cấu trúc của thì Cấu thành tội phạm được phân ra làm hai loại: Cấu thành tội phạm vật chất và Cấu thành tội phạm hình thức. Cấu thành tội phạm vật chất là Cấu thành tội phạm có các dấu hiệu của mặt khách quan là hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Cấu thành tội phạm hình thức là Cấu thành tội phạm chỉ có một dấu hiệu của mặt khách quan là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Việc xây dưng loại tội nào có Cấu thành tội phạm cơ bản là Cấu thành tội phạm hình thức hay vật chất là xuất phát từ cơ sở khách quan sau:

\* Nếu riêng hành vi nguy hiểm cho xã hội đã thể hiện được đầy đủ tính chất nguy hiểm của tội phạm hoặc hậu quả nguy hiểm cho xã hội là hậu quả khó xác định thì Cấu thành tội phạm thường được xây dựng là Cấu thành tội phạm hình thức.

\* Nếu riêng hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa thể hiện được hoặc chưa thể hiện được đầy đủ tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm mà đòi hỏi phải có cả hậu quả nguy hiểm cho xã hội thì Cấu thành tội phạm thường được xây dựng là Cấu thành tội phạm vật chất.

Nhà nước quy định tội phạm trong luật hình sự bằng cách mô tả những dấu hiệu của Cấu thành tội phạm và quy định những dấu hiệu đó trong luật. Vì vậy nên muốn biết tội phạm mà C thực hiện là tội có cấu thành tội phạm gì ta căn cứ vào các quy định về tội cướp tài sản trong bộ luật hình sự.

Xét riêng cho trường hợp trên của của C, Hành vi phạm tội của C có cấu thành tội phạm hình thức. Vì hành vi phạm tội của C là “dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản” của K, hậu quả là C đã chiếm đoạt được tài sản là 30 triệu đồng. Để có thể lấy được Số tài sản trên C đã phải dùng đến vũ lực, việc C dùng vũ lực để đe dọa người khác đã thể hiện tính chất gây nguy hiểm cho xã hội, làm tổn hại tới tinh thần và thể xác của nạn nhân mà chính xác là K. Và xét thấy trong khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự không có quy định hậu quả về tài sản của hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản là khoảng thiệt hại trị giá bao nhiêu tiền: “Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.”

Vậy, tội cướp tài sản C thực hiện theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự là tội có cấu thành tội phạm hình thức.

**3. Nếu C mới dùng vũ lực nhưng không chiếm đoạt được tài sản thì C có bị truy cứu Trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản không? tại sao?**

Mặc dù C mới chỉ dùng vũ lực nhưng không chiếm đoạt được tài sản thì C vẫn bị truy cứu Trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản. Lỗi của C trong trường hợp này là lỗi cố ý trực tiếp. Lỗi cố ý trực tiếp là lỗi của người nhận thức rõ được hành vi của mình là gây nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả đó xảy ra. Trong trường hợp trên, xét về lý trí, anh C nhận thức rõ được hành vi dùng vũ lực của mình có thể gây thương tích cho người khác. Tuy nhiên, về mặt ý chí, anh C mong muốn hậu quả đấy xảy ra nhằm mục đích là để có thể chiếm đoạt được tại sản của anh K.

Ngoài ra, tội phạm mà C thực hiện là tội cướp tài sản theo Điều 133 Bộ luật hình sự. Tội cướp tài sản (Điều 133 Bộ luật hình sự) là tội có cấu thành tội phạm hình thức, trong đó chỉ có dấu hiệu hành vi là dấu hiệu bắt buộc, nên dù C không chiếm đoạt được tài sản của K nhưng C đã thực hiện hành vi dùng vũ lực với K thì C vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà mình đã thực hiện, cụ thể là tội cướp tài sản theo Điều 133 Bộ luật hình sư.

Không chỉ có thế, nếu xét theo giai đoạn phạm tội, trường hợp của C được xếp vào trường hợp phạm tội hoàn thành. Vì tội của C có cấu thành tội phạm hình thức. Theo đó tội phạm có Cấu thành tội phạm hình thức hoàn thảnh ngay khi người phạm tội đã thực hiện được hành vi phạm tội. Ở những loại tội phạm này, dấu hiệu hành vi là dấu hiệu bắt buộc nên dù chưa có dấu hiệu hậu quả xảy ra thì các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm cũng thỏa mãn hết, tội phạm cũng hoàn thành. Trong trường hợp của C, dù C chưa chiếm đoạt được tài sản của K nhưng C đã thực hiện hành vi “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực” nhằm chiếm đoạt tài sản của K. Tội của C thuộc tội cướp tài sản theo Điều 133 Bộ luật hình sự, là tội có cấu thành tội phạm hình thức nên dấu hiệu hành vi là dấu hiệu bắt buộc. Cụ thể C đã có hành vi “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực” nên mọi dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã hoàn thành đầy đủ.

Vậy, dù C mới dùng vũ lực, không cướp được tài sản nhưng C vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cướp tài sản bản thân đã thực hiện.

**4. Nếu C mới tròn 14 tuổi thì C có phải chịu Trách nhiệm hình sự về hành vi của mình không? Tại sao?**

Theo khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự quy định: “Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.”

Trong trường hợp đang xét, C có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự: “Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.” Vậy, hành vi phạm tội của C là tội phạm rất nghiêm trọng khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự: “tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù”.

Hơn nữa lỗi của C trong trường hợp này là lỗi cố ý trực tiếp nhưng C vẫn tiến hành thực hiện hành vi phạm tội của bản thân, cố ý cướp đoạt tài sản của K. Cụ thể dù nhận thức được hành vi của bản thân là sai, biết trước được hậu quả sẽ xảy ra nếu mình thực hiện hành vi đó nhưng C vẫn mong muốn hậu quả đó xảy ra vì tài sản của K. Vậy nên C vẫn “dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản” mà cụ thể là 30 triệu đồng của K.

Như vậy C sẽ phải chịu Trách nhiệm hình sự cho hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản của bản thân dù C mới trong 14 tuổi.

**5. Nếu C mới chuẩn bị phạm tội cướp tài sản thì bị bắt, C có phải chịu Trách nhiệm hình sự về hành vi của mình không? Tại sao?**

Các giai đoạn thực hiện tội phạm là các mức độ thực hiện tội phạm cố ý, bao gồm chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và phạm tội hoàn thành.

Giai đoạn chuẩn bị phạm tội là giai đoạn trong đó người phạm tội có hành vi tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện tội phạm nhưng chưa bắt đầu thực hiện tội phạm đó. Theo Điều 17 Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2009 quy định:

“Chuẩn bi phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm… ”.

Luật hình sự Việt Nam chỉ coi là có hành vi phạm tội và lúc đó trách nhiệm hình sự mới được đặt ra, tức là khi người phạm tội đã bước vào giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Theo luật hình sự Việt Nam, không phải hành vi chuẩn bị phạm tội nào cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự. “Người chuẩn bị phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc một tội đặc biệt nghiêm trọng, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội định thực hiện” (Điều 17 Bộ luật hình sự).

Điều 18 Bộ luật hình sự quy định về giai đoạn phạm tội chưa đạt:

“Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.”

Phạm tội hoàn thành là trường hợp hành vi phạm tội đã thỏa mãn hết các dấu hiệu được mô tả trong Cấu thành tội phạm. Có nghĩa là khi tội phạm hoàn thành thì hành vi phạm tội đã có đủ các dấu hiệu phản ánh đầy đủ tính chất nguy hiểm cho xã hội của loại tội phạm đó.

Trong trường hợp đang xét, C đã có hành vi chuẩn bị phạm tội cướp tài sản được quy định trong Điều 133 Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành:

“Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.”

Vậy, tội phạm mà C đã thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng theo khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự: tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù”.

Vì tội mà C chuẩn bị thực hiện là tội rất nghiêm trọng nên theo Điều 17 Bộ luật hình sự C phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà mình chuẩn bị thực hiện.

**KẾT LUẬN**

Nhà nước Việt Nam ta ngay từ trong những ngày đầu thành lập đã chú trọng ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật hình sự quan trọng để chống lại các hành vi phạm tội, bảo vệ trật tự an toàn xã hội,… Hiện nay, dù kinh tế -  xã hội đang phát triển nhưng Nhà nước ta vẫn rất quan tâm tới vấn đề an ninh, bảo vệ sự an toàn của mỗi cá nhân, đồng thời cũng nghiêm trị những phần tử có những hành vi phạm tội, xâm phạm tới các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Dù hiện tượng trộm cắp, cướp giật hay lừa đảo đang diễn ra nhiều nơi trên địa bàn các thành phố lớn nhưng Nhà nước ta vẫn luôn không cải thiện nội dung các quy phạm pháp luật hình sự và có những biện pháp truy cứu trách nhiệm hình sự một cách đúng đắn nhằm phòng ngừa tội phạm gia tăng.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**GIÁO TRÌNH**

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình luật hình sự Việt Nam, Tập I,  Nxb. Công An Nhân Dân, Hà Nội, Năm 2013.

2. Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, Giáo trình luật hình sự (Phần chung), Nxb. Đại Học Quốc Gia, Hà Nội, 2005.

3. GS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà, Mô hình luật hình sự Việt Nam, Nxb. Công An Nhân Dân, Hà Nội, 2010

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

4. Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999.

5. Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 (đã được sửa đổi và bổ sung năm 2009).